

## TÌM HIỂU VỀ CÁCH ĐẶT CÂU HỎI CỦA NGƯỜI KHIẾM THÍNH TRONG GIAO TIẾP

CAO THỊ XUÂN MỸ\*

### TÓM TẮT

*Bài viết tìm hiểu về cách đặt câu hỏi của người khiếm thính trong giao tiếp. Kết quả nghiên cứu đã lí giải được một số lí do làm hạn chế khả năng giao tiếp dẫn đến sự hạn chế trong quá trình hòa nhập cộng đồng của người khiếm thính Việt Nam hiện nay.*

**Từ khóa:** người khiếm thính, cách đặt câu hỏi, giao tiếp.

### ABSTRACT

*A study of how people with hearing impairment make questions in communication*

*The article studies how people with hearing impairment make questions in communication. The findings explain some causes of constraints in communication, which leads to difficulties that people with hearing impairment have in participating in their communities in Vietnam nowadays.*

**Keywords:** people with hearing impairment, how to make questions, communication.

1. Trong giao tiếp, câu hỏi mang một ý nghĩa quan trọng, vừa thể hiện khả năng tư duy vừa thể hiện kiến thức của người hỏi về vấn đề hay chủ đề đang giao tiếp. “**Nội dung của một câu hỏi là một thông báo cho người tiếp chuyện biết rằng người hỏi cần được thông báo về một điều gì đấy**” [2, tr.21], do đó, cho dù ở dạng nào, nội dung các câu hỏi đều phải nổi “cái không rõ” mà câu trả lời cần hướng tới. Người khiếm thính khiếm khuyết về nghe, ngôn ngữ diễn đạt hạn chế nên gặp nhiều khó khăn trong giao tiếp. Vậy khi cần hỏi họ diễn đạt như thế nào? Cách đặt câu hỏi của họ có hạn chế gì không?... Chúng tôi đã tiến hành một nghiên cứu nhỏ để tìm câu trả lời cho các vấn đề trên.

### 2. Quá trình nghiên cứu

**Đối tượng khảo sát:**

- Thành viên Câu lạc bộ (CLB)

*Khiếm thính Thành phố Hồ Chí Minh*

- Số lượng: 40 người.
- Độ tuổi: 20-40 tuổi.
- Trình độ: từ phổ cập xóa mù chữ đến lớp 8.
- Phương tiện giao tiếp chủ yếu bằng ngôn ngữ kí hiệu.

• *Trường chuyên biệt Khiếm thính Anh Minh*

- Số lượng: 20 học sinh.
- Độ tuổi: 10-18.
- Trình độ: học sinh lớp 4, 5 và 8.
- Phương tiện giao tiếp chủ yếu bằng kí hiệu ngôn ngữ và ngôn ngữ viết.

**Quá trình tiến hành khảo sát:**

Chuẩn bị:

- Soạn 10 câu tường thuật (như: Lan đi học, Buổi sáng mẹ đi chợ, Có 3 quả táo trên đĩa, Nó không đến trường...)
- 3 bức tranh: hình ảnh về gia đình, 1 giỏ trái cây, 1 cô giáo.

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM; Email: cao\_xuanmy@yahoo.com

Cách thực hiện:

- Yêu cầu người được khảo sát dựa vào nội dung 10 câu đã cho đặt ra và ghi lại 10 câu hỏi bất kì. Sau đó thu số câu hỏi.

- Yêu cầu chia làm 2 nhóm, cho thời gian là 20 phút để họ thảo luận, tự đặt các câu hỏi xoay quanh các vấn đề (từ 3 bức tranh: gia đình, giỏ trái cây, cô giáo), rồi viết câu hỏi đó ra giấy. Sau đó, yêu cầu một số người diễn tả bằng ngôn ngữ kí hiệu các câu hỏi họ đã viết (để kiểm chứng độ chính xác ý diễn đạt).

**Kết quả thu được:** 328 câu có hình thức hỏi (dấu chấm hỏi và từ hỏi) nhưng câu viết rất khó hiểu (kể cả khi làm kí hiệu để diễn đạt ý) và nhiều câu không có nghĩa như:

- *Người lạ có một người đi làm là sao?*

- *Thầy nói chuyện gì xảy ra gì vậy?*

- *Làm sao còn những người bình thường tiếp xúc?*

- *Bây giờ em đã đến rồi, không có chị đâu?*

- *Có ơi, khi nào 3 em việc làm sozo?"*

- *Bạn đang rảnh đâu không? ...*

**Loại bỏ những câu này, còn lại 202 (62%) câu có hình thức và nội dung tương đối phù hợp với các vấn đề gợi ý.**

Kết quả thống kê như sau:

**Bảng 1.** Tỷ lệ thống kê các dạng câu hỏi của CLB Khiếm thính

STT	Dạng câu hỏi	CLB KT
1	Gì – Làm gì? Hỏi về vật và việc: (cái gì? Làm gì?)	44 (22%)
2	Có – Không? Câu hỏi đóng (có – không?) đã chưa?	92 (46%)
3	Bao nhiêu? – Máy? Hỏi về số lượng, thứ tự: (mấy?)	24 (12%)
4	Ở đâu? Hỏi về không gian: (ở đâu?)	13 (6,5%)
5	Ai? Hỏi về người, vật và việc: (ai? gì?)	3 (1,5%)
6	Như thế nào? Hỏi về tính chất và tính cách: (như thế nào?)	4 (2%)
7	Tại sao – Vì sao? Hỏi về nguyên nhân: (tại sao?)	11 (5,5%)
8	Khi nào? Hỏi về thời gian: (khi nào?)	9 (4,5%)
9	Lựa chọn – so sánh. Hỏi về so sánh hay lựa chọn (ít nhiều? hơn kém?) (Hay) đúng không? Phải không?	0
10	Câu khẳng định – phủ định. Hỏi về phủ định và khẳng định (không – không phải)	0
		100%

Theo kết quả khảo sát thì có đến 46% câu hỏi dạng “có – không”/tổng số những câu hỏi của các thành viên ở Câu lạc bộ Khiếm thính. Tỷ lệ đó chứng tỏ các thành viên CLB rất muốn trao đổi, giao tiếp, song họ chỉ biết sử dụng loại câu hỏi với nội dung có sẵn để xác minh bằng một cử điệu “gật” hay “lắc” đơn giản khi giao tiếp.

- *Bạn không làm rảnh không?*

- *Bạn đi làm tốt nhất không?*

- *Bạn đang muốn ăn gì không?*

Còn dạng câu hỏi gì? (chiếm 22%)

- *Bạn muốn gì?*

- *Bạn đang làm nghề gì?*

- *Khi rảnh làm gì vậy?*

Những dạng câu hỏi như: tại sao?

(5,5%), khi nào? (4,5%), như thế nào? (2%) rất hạn chế. Có thể do đây là những câu hỏi mang tính trừu tượng (không cụ thể, trực quan), đòi hỏi khả năng tư duy cao nên họ ít hoặc không biết để sử dụng.

Riêng dạng câu hỏi về so sánh hay lựa chọn (đúng không? phải không?) (ít nhiều? hơn kém?) và câu hỏi về phủ định và khẳng định (không – không phải) thì **hoàn toàn không được đặt ra**. Phải chăng do hạn chế về cách diễn đạt (không có kí hiệu giao tiếp diễn đạt sát hợp với nội dung muốn hỏi) dẫn đến họ hạn chế luôn khả năng tư duy suy luận theo hướng này?

Như vậy, hầu hết những người khiếm thính ở CLB gặp khó khăn về những dạng câu hỏi như: ai? như thế nào?... Họ học và bắt chước một cách

máy móc một số câu dẫn đến nội dung rất nhiều câu hỏi không đúng với ý muốn hỏi, làm người giao tiếp hiểu sai vấn đề.

Chẳng hạn:

*Bạn học trường nào gì?*

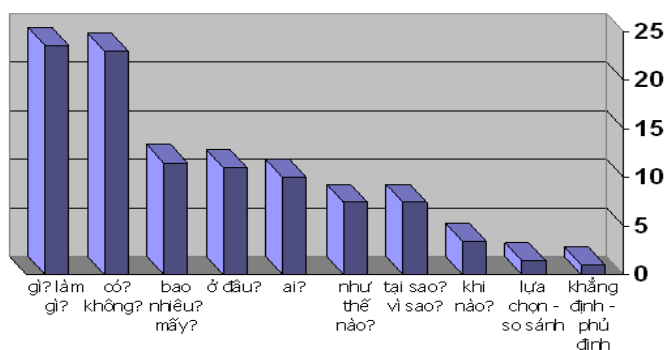
*Những người bạn nào gì?*

*Bạn có không thương gì?*

Những người khiếm thính ở CLB không biết chữ, chỉ một số ít người biết chữ nhưng trình độ văn hóa của họ chỉ tới lớp 3 và một vài người học tới lớp 8, lớp 9, nên khả năng viết câu của họ không hoàn chỉnh. Bên cạnh đó, do những người này lớn tuổi, không còn đi học, ít sử dụng ngôn ngữ viết nên họ gặp khó khăn trong việc hình thành câu, diễn đạt ý.

Kết quả thống kê các dạng câu hỏi tại Trường Khiếm thính Anh Minh được thể hiện ở biểu đồ dưới đây:

*Biểu đồ Tỷ lệ thống kê các dạng câu hỏi của Trường Anh Minh*



Nhìn chung, các em sử dụng đều các dạng câu hỏi (so với CLB Khiếm thính). Loại câu hỏi có - không? gì - làm gì? chiếm tỉ lệ đáng kể, song không lệch như kết quả của CLBKT. Những dạng câu hỏi như: mấy? bao nhiêu? ở đâu? ai? các em đều biết sử dụng - có lẽ trong thực tế các em thường sử dụng nhiều khi giao tiếp và thực sự chúng tương đối dễ,

không cần tư duy nhiều.

*Ví dụ:*

- Em bao nhiêu tuổi?
- Nhà của cô giáo ở đâu?
- Ở nhà, em thương ai nhất?

Hoặc:

- Còn buổi sáng, Soeur Mai la Ngọc Nhi hả?
- Tóc cô dài hay ngắn?

- Bạn có đi chơi không?
  - Tại sao em đi học?
- So với kết quả của CLBKT các em học sinh khiêm thính có hỏi các câu hỏi về nguyên nhân và tính chất, ví dụ:
- Khi nào bạn nghỉ học?
  - Quả vú sữa như thế nào?
- song tỉ lệ rất hạn chế (1%), chứng tỏ các em ít sử dụng những dạng câu hỏi này.

**Bảng 2. So sánh kết quả khảo sát giữa 2 đối tượng**

STT	Dạng câu hỏi	CLB Khiêm thính	Trường Anh Minh
1	Gì – Làm gì? Hỏi về vật và việc: (cái gì? làm gì?)	44 (22%)	47 (23,5%)
2	Có – Không Câu hỏi đóng (có – không?) đã chưa?	92 (46%)	46 (23%)
3	Bao nhiêu? – Mấy? Hỏi về số lượng, thứ tự: (mấy?)	24 (12%)	23 (11,5%)
4	Ở đâu? Hỏi về không gian: (ở đâu?)	13 (6,5%)	22 (11%)
5	Ai? Hỏi về người, vật và việc: (ai? gì?)	3 (1,5%)	20 (10%)
6	Như thế nào? Hỏi về tính chất và tính cách: (như thế nào?)	4 (2%)	15 (7,5%)
7	Tại sao – Vì sao? Hỏi về nguyên nhân: (tại sao?)	11 (5,5%)	15 (7,5%)
8	Khi nào? Hỏi về thời gian: (khi nào?)	9 (4,5%)	7 (3,5%)
9	Lựa chọn – so sánh. Hỏi về so sánh hay lựa chọn (ít nhiều? hơn kém?) (Hay) đúng không? Phải không?	0	3 (1,5%)
10	Câu khẳng định - phủ định. Hỏi về phủ định và khẳng định (không – không phải)	0	2 (1%)
		100%	100%

Kết quả khảo sát cho thấy:

- Tỉ lệ dạng câu hỏi *có - không*: ở CLB chiếm 46%, gấp đôi trường Anh Minh (23%).
- Những dạng câu hỏi *chọn lựa - so sánh; khẳng định - phủ định* thì những người ở CLB không sử dụng, ở trường Anh Minh có sử dụng tuy rất ít (1% - 1,5%).
- Những dạng câu hỏi *ai? ở đâu? như thế nào? tại sao - vì sao?* ở CLB chiếm tỉ

lệ thấp hơn ở trường Anh Minh.

- Những dạng câu hỏi *gì - làm gì? bao nhiêu - mấy?* ở CLB và trường Anh Minh chiếm tỉ lệ gần bằng nhau.

Khi giao tiếp, những điểm nhấn được họ đưa ra đầu câu để gây hiệu quả chú ý cho người nghe, do đó câu diễn đạt của họ thường có cấu trúc ngược với ngữ pháp tiếng Việt, điều đó khiến người giao tiếp khó hiểu hoặc hiểu nhầm nội dung họ diễn đạt ý muốn hỏi.

Ví dụ:

Kí hiệu ngôn ngữ	Câu tiếng Việt
Cơm ăn có không.	Có ăn cơm không?
Tôi ăn muốn không.	Muốn tôi ăn cơm không?
Anh trà uống không.	Anh uống trà không? Hoặc: Anh không uống trà à?
Số máy điện thoại không?	Biết điện thoại số mấy không?
Hai người có điểm gì nhau không?	Có điểm gì giống (hay khác) nhau giữa 2 người không? Hoặc: Hai người có điểm gì giống (hay khác) nhau không?

Phần lớn họ sử dụng câu hỏi “Có... không?” nhưng đây là dạng câu hỏi đóng – nên sau khi hỏi thường chấm dứt giao tiếp, lượng thông tin thu thập được ít – đó cũng là một hạn chế trong giao tiếp của người khiếm thính! Một số câu hoặc do giới hạn của khả năng diễn đạt – có ý muốn hỏi nhưng câu diễn đạt không rõ ràng nên không thể hiểu được hoặc diễn đạt một cách máy móc: chỉ cần có từ để hỏi thì cho đó là câu hỏi!

**3.** Tóm lại, qua kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy rằng: người khiếm thính rất hạn chế trong việc đặt câu hỏi khi giao tiếp, chưa có sự phân định rõ ràng giữa kết cấu ngữ pháp của câu hỏi

trong NNKH và câu văn tiếng Việt. Cần phổ cập kiến thức, trang bị cho người khiếm thính những kiến thức cơ bản về các dạng câu hỏi, rèn luyện cách hỏi: hỏi chính xác, diễn đạt đúng nội dung cần hỏi, xác định lại cách diễn đạt kí hiệu hỏi và câu hỏi trong hệ thống kí hiệu giao tiếp để họ có công cụ sử dụng khi giao tiếp, diễn đạt phù hợp, tránh sự hiểu lầm trong giao tiếp.

Khảo sát này chỉ ở phương diện tự người khiếm thính đặt câu hỏi – còn họ hiểu để trả lời cho các dạng hỏi của người đối thoại như thế nào là một vấn đề hoàn toàn khác, cần được quan tâm nghiên cứu.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bill Moody (1983), *La Langue des Signes*, Centre Socio – Culturel des Sourds, Château de Vincennes 94300 Vincennes.
2. Cao Xuân Hạo (1991), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, quyển 1, Nxb Khoa học xã hội.
3. Cao Thị Xuân Mỹ (2008), *Từ điển Ngôn ngữ kí hiệu của người khiếm thính Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, mã số B.2006.19.02.
4. Nguyễn Thị Phương, Nguyễn Đức Tồn (2012), *Mấy vấn đề về cú pháp của ngôn ngữ kí hiệu ở Việt Nam*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4 (275), Viện Ngôn ngữ học.
5. Hoàng Thị Yên (2008), *Cách phân loại câu hỏi trong tiếng Việt*, Luận văn Cao học, Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-9-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-12-2014; ngày chấp nhận đăng: 10-4-2015)